

**Bài 1: Nội dung quy luật Mendel** (Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống):

Mỗi tính trạng do 1 có nguồn gốc từ bố, 1 có nguồn gốc từ Các alen của bố và mẹ tồn tại trong tế bào của cơ thể con

..... Khi hình thành giao tử, các thành viên của cặp alen về các giao tử, 50% giao tử chứa alen này, 50% giao tử

**Bài 2: Cơ sở của quy luật di truyền** (Điền 'Yes' hoặc 'No' vào các nhận định sau):

- Gen nằm trên NST và tồn tại thành cặp trong tế bào, vì NST tồn tại thành cặp.
- Khi giảm phân, cặp NST tương đồng phân ly đồng đều về các loại giao tử --> cặp alen phân ly đồng đều về các giao tử.
- Khi thụ tinh, các giao tử kết hợp ngẫu nhiên, khôi phục cặp NST tương đồng và cặp gen tương ứng.

**Bài 3: Hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau** (Chọn đáp án đúng trong ô đáp án):

Phép lai P	Tỉ lệ KG ở F ₁	Số KG ở F ₁	Tỉ lệ KH ở F ₁	Số KH ở F ₁
AA x AA	1AA	1	1 vàng	1
Aa x Aa				
AA x Aa				
Aa x aa				
AA x aa				
aa x aa				

Chú ý: Cơ thể AA cho 1 loại giao tử A

Aa cho 2 loại giao tử A, a

aa cho 1 loại giao tử a



Gregor Johann Mendel



Bài 4: Chọn đáp án đúng (Tích vào ô vuông)

Câu 1: Theo Mendel, lai giữa 1 cá thể mang tính trạng trội với 1 cá thể lặn tương ứng được gọi là

- A. lai phân tích. B. lai khác dòng. C. lai thuận-nghịch D. lai chéo.

Câu 2: Giống thuần chủng là giống có

- A. kiểu hình ở thế hệ con hoàn toàn giống bố mẹ.
B. đặc tính di truyền đồng nhất nhưng không ổn định qua các thế hệ.
C. đặc tính di truyền đồng nhất và ổn định qua các thế hệ.
D. kiểu hình ở thế hệ sau hoàn toàn giống bố hoặc giống mẹ.

Câu 3: Alen là gì?

- A. Là những trạng thái khác nhau của cùng một gen.
B. Là trạng thái biểu hiện của gen.
C. Là các gen khác biệt trong trình tự các nucleôtit.
D. Là các gen được phát sinh do đột biến.

Câu 4: Đem lai giữa cây quả dài với cây quả ngắn, đời F_1 xuất hiện toàn cây quả dài. Biết tính trạng do một gen quy định. Kiểu gen của 2 cây ở P là:

- A.P: Aa x aa. B.P: AA x Aa. C.P: AA x aa. D.P: Aa x Aa.

Câu 5: Nếu tiếp tục cho đời F_1 nói trên giao phần thì tỷ lệ phân ly kiểu hình ở F_2 là:

- A. 50 % quả dài: 50 % quả ngắn. B. 100 % quả dài.
C. 75 % quả dài: 25 % quả ngắn. D. 25 % quả dài: 75 % quả ngắn.

Câu 6: Cho đời F_1 lai phân tích, tỷ lệ phân ly kiểu gen ở F_b là:

- A. 1AA: 1 aa B. 1 Aa : 1 AA C. 1 Aa : aa D. 1 AA : 2 Aa : 1 aa

Câu 7: Nếu cho F_1 lai trở lại với cây quả dài ở P, kết quả phân ly kiểu hình sẽ là:

- A. 1 quả dài : 1 quả ngắn. B. 3 quả dài : 1 quả ngắn.
C. Tất cả đều quả dài. D. 3 quả ngắn : 1 quả dài.

Câu 8: Đem F_1 giao phần với cây quả dài F_2 , tỷ lệ phân ly kiểu hình ở F_3 sẽ là:

- A. 3 quả dài : 1 quả ngắn. B. 100% quả dài.
C. 1 quả dài : 1 quả ngắn. D. A hoặc B.

Câu 9: Sự tổ hợp 2 alen trên tạo được số kiểu gen là:

- A.2. B.3. C.4. D.5.

Câu 10: Số kiểu tự thụ phần của các kiểu gen là:

- A.2. B.3. C.4. D.5.

Câu 11: Số kiểu giao phần tự do giữa các kiểu gen là:

- A.4. B.3. C.5. D.5.

Câu 12: Ở người, gen quy định nhóm máu A, B, O và AB có 3 alen: I^A , I^B , I^O trên NST thường. Một cặp vợ chồng có nhóm máu A và B sinh được 1 trai đầu lòng có nhóm máu O. Kiểu gen về nhóm máu của cặp vợ chồng này là:

- A. chồng $I^A I^O$ vợ $I^B I^O$. B. chồng $I^B I^O$ vợ $I^A I^O$.
C. chồng $I^A I^O$ vợ $I^A I^O$. D. một người $I^A I^O$ người còn lại $I^B I^O$.

Câu 13: Ở người, kiểu tóc do 1 gen gồm 2 alen (A, a) nằm trên NST thường. Một người đàn ông tóc xoăn lấy vợ cũng tóc xoăn, họ sinh lần thứ nhất được 1 trai tóc xoăn và lần thứ hai được 1 gái tóc thẳng. Cặp vợ chồng này có kiểu gen là:

- A. AA x Aa. B. AA x AA. C. Aa x Aa. D. AA x aa.